

## VĂN HOÁ HUẾ - KẾ THỪA VĂN HOÁ THĂNG LONG, KẾT TINH Ở THẾ KỶ XIX

Phan Công Tuyên\*

### Đặt vấn đề

Thăng Long - Hà Nội nằm ở châu thổ sông Hồng, nơi lưu giữ rất nhiều giá trị văn hoá cổ truyền của dân tộc. Nơi đây là địa bàn sinh sống của người Việt cổ, rất đậm đặc các thần thoại, truyền thuyết, đền đài miếu mạo, phản ánh sâu sắc quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc. Chính kho tàng văn hoá dân gian đó đã tạo nên một động lực quan trọng, một sức sống lớn để Thăng Long - Hà Nội vượt qua mọi thách thức của lịch sử, trở thành chỗ dựa vững chắc về trí tuệ, ý chí, nghị lực và niềm tự hào của cả dân tộc. Đáng chú ý là trong sự nghiệp xây dựng nước Đại Việt, các triều đại phong kiến hưng thịnh trước đây đã có ý thức dựa vào các giá trị di sản quý giá của dân tộc để lưu truyền, cổ vũ niềm tự hào và lòng tự tôn dân tộc.

Năm 1070, nhà Lý lập Văn Miếu, mở khoa thi đầu tiên gọi là Minh Kinh Bắc Học năm 1075, lập Quốc Tử Giám năm 1076, sau đó mở tiếp các khoa thi vào các năm 1086, 1152, 1193, 1195. Có thể coi đó là những viên gạch đầu tiên đặt nền móng cho sự phát triển của chế độ giáo dục và thi cử trong lịch sử phát triển giáo dục Việt Nam.

Nhà Trần lập Quốc Học Viện, mở các khoa thi đều đặn hơn và còn bổ dụng các quan xuống các phủ để trông coi việc học tập. Đến thời Lê sơ thì chế độ khoa cử càng được hoàn chỉnh, cứ 3 năm có một kỳ thi Hương và một kỳ thi Hội. Ở thời Lê Thánh Tông, triều đình đã ban hành 24 điều giáo huấn nhằm đưa Nho giáo vào văn hoá làng xã, đề cập các vấn đề đạo đức về gia đình, tông tộc, thôn xóm theo lễ, nghĩa, hiếu, trung... Trên nền tảng giáo dục đó, một nền văn hoá bác học đã ra đời, và trung tâm, đỉnh cao của nó vẫn là Thăng Long - Hà Nội.

Xuất phát từ cái nôi của nền văn minh cổ đại rồi giữ vai trò kinh đô lâu dài của đất nước, Hà Nội là trung tâm hội tụ, kết tinh của các giá trị lịch sử, văn hoá dân tộc, qua giao lưu quốc tế hấp thụ nhiều ảnh hưởng của văn hoá khu vực và thế giới. Vì thế, Hà Nội trở thành Thủ đô nghìn năm văn hiến, Thủ đô anh hùng của dân tộc Việt Nam. Chính bề dày lịch sử và đô hội hội tụ, tính giao thoa văn hoá đó mà ngày 9/3/2010, 82 bia Tiến sỹ ở Văn

---

\* Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Thừa Thiên Huế.

Miếu - Quốc Tử Giám đã được UNESCO công nhận là *Ký ức thế giới* và mới đây cả nước vui mừng khi nghe tin Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long được UNESCO chính thức công nhận là Di sản văn hoá thế giới.

Thừa Thiên Huế là mảnh đất nằm giữa miền Trung, từ thời cổ đại thuộc địa bàn văn hoá Sa Huỳnh, Chăm pa, có mối giao lưu mật thiết với văn hoá Đông Sơn của nước Văn Lang - Âu Lạc. Trong cuộc đồng minh chiến đấu chống quân xâm lược Nguyên, vương triều Đại Việt và Chăm pa thiết lập quan hệ bang giao hòa hiếu dẫn đến cuộc hôn nhân của công chúa Huyền Trân và vua Chế Mân, mà sinh lễ là hai châu Ô Lý, tức phủ Thuận Hoá, trong đó có vùng đất Thừa Thiên Huế. Như vậy, vùng đất này hội nhập vào lãnh thổ Đại Việt không phải bằng sự xâm lấn hay chiến tranh mà là sản phẩm của quan hệ đồng minh chiến đấu, của sự bang giao hòa hiếu và một cuộc hôn nhân thân thiện. Từ đó, trên vùng đất này diễn ra sự chuyển dịch cư dân, sự giao thoa văn hoá Việt - Chăm, làm phong phú cho vùng địa - văn hoá Thừa Thiên Huế.

Vùng đất Huế trở thành thủ phủ của chúa Nguyễn ở Đàng Trong, rồi Kinh thành Phú Xuân của vương triều Quang Trung, người anh hùng dân tộc, lập nên chiến công Rạch Gầm - Xoài Mút ở Tiền Giang và Ngọc Hồi - Đống Đa ở Thăng Long, người đã có công giải phóng Thuận Hoá, xoá bỏ tình trạng chia cắt Đàng Trong - Đàng Ngoài, đặt cơ sở lập lại nền thống nhất quốc gia. Từ năm 1802, Phú Xuân - Huế trở thành Kinh đô của vương triều Nguyễn, Kinh đô của một quốc gia thống nhất trên lãnh thổ rộng lớn bao gồm cả đất liền, hải đảo ven bờ và hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa giữa biển Đông như lãnh thổ Việt Nam hiện đại. Với vai trò trung tâm chính trị, văn hoá của một quốc gia thống nhất, Kinh thành Huế trở thành nơi hội tụ các giá trị văn hoá của dân tộc, nơi giao thoa và dung hợp nhiều ảnh hưởng văn hoá bên ngoài.

Với tham luận tiêu đề do Ban Tổ chức Hội thảo đặt ra *Văn hoá Huế, kế thừa văn hoá Thăng Long, kết tinh ở thế kỷ XIX*, tôi xin trình bày vào 3 vấn đề chính:

### 1. Vào thế kỷ XIX, văn hoá Huế kế thừa những gì của văn hoá Thăng Long?

Huế là một vùng đất giàu truyền thống lịch sử và văn hoá, là nơi giao thoa của 2 nền văn hoá Đông Sơn và Sa Huỳnh. Trên nền tảng di sản của truyền thống *nông nghiệp lúa nước* bền chặt mang theo từ cổ hương đất Bắc, phát xuất từ cái nôi châu thổ Bắc Bộ đã chi phối một cách mạnh mẽ đến đời sống kinh tế của cộng đồng cư dân Việt trên bước đường đi về phương Nam. Buổi đầu trong diễn trình lịch sử đi về phương Nam của người Việt, đậm nét nhất là cuộc hôn nhân giữa Huyền Trân (công chúa Đại Việt) và vua Chế Mân (vua Chăm), những lớp người Việt (bao gồm cả tầng lớp quan lại và dân cư) đã đem văn hoá của Đại Việt vào nơi văn hoá sâu đậm của Chăm pa, phát triển trên vùng đất Thuận Hoá - Phú Xuân - Huế (*Thuận* là bằng lòng, *Hoá* là biến đổi, vùng đất Thuận Hoá là vùng đất giao thoa văn hoá có chọn lọc trên nền tảng văn hoá Thăng Long và Chăm pa). Chính vì vậy, văn hoá Huế không phải là văn hoá thuần của Thăng Long, mà chính nó phải được thuần hoá ở vùng *Ô châu ác địa* (chữ dùng của Lê Quý Đôn), ác địa cả về mặt điều kiện địa lý tự nhiên cũng như nhân quần xã hội. Nếu đặc điểm của Thăng Long - Hà Nội là một thành phố sông hồ, một vùng đất có hệ sinh thái đa dạng phong phú, thì ở Huế, các tầng lớp di dân người Việt dưới thời các chúa Nguyễn đã kế thừa và xây dựng hệ thống sông hồ quanh khu vực Kinh thành và nội thành Huế.

Quá trình kết hợp và phát huy các yếu tố văn hoá truyền thống với các yếu tố văn hoá bản địa và những yếu tố văn hoá mới được du nhập vào Đàng Trong, tại vùng đất mới này đã dần dần hình thành một nền văn hoá mới, vẫn là *văn hoá Việt* nhưng lại có những sắc thái mới lạ và rất phong phú. Điều này thể hiện rõ qua các di sản vật thể và phi vật thể của Đàng Trong hiện vẫn còn được bảo lưu hoặc kế thừa.

Về *phương diện văn hoá, giáo dục*, triều Nguyễn cũng lập Quốc Tử Giám, mở khoa thi Hương và thi Hội để đào tạo nhân tài. Từ khoa thi Hội đầu tiên năm 1822 đến khoa thi cuối cùng năm 1919, triều Nguyễn tổ chức được 19 khoa thi Hội, lấy đỗ 292 Tiến sỹ và 266 Phó bảng, tổng cộng 588 người. Những danh sỹ đất Bắc được tôn vinh trong các kỳ thi ở Huế rất nhiều, trong đó tiêu biểu là: Nguyễn Văn Siêu, Cao Bá Quát, Nguyễn Trọng Hợp,... Khu Văn Miếu tại Kinh đô Huế còn lưu giữ 32 tấm bia Tiến sỹ thời Nguyễn. Cùng với các kỳ thi tuyển chọn Tiến sỹ Văn, nhà Nguyễn còn nâng cao đào tạo võ quan từ cử nhân lên Tiến sỹ Võ. Tại khu Võ Miếu còn bảo tồn 2 tấm bia Tiến sỹ Võ. Công việc biên soạn quốc sử, các bộ chính sử của vương triều, các bộ tòng thư và địa chí được đặc biệt quan tâm và để lại một di sản rất đồ sộ. Có thể nói, trong thời quân chủ, chưa từng có Quốc sử quán của vương triều nào hoạt động có hiệu quả và để lại nhiều công trình biên soạn đến như thế.

Các *di vật thời chúa Nguyễn* thể hiện một phong cách riêng biệt và khá độc đáo. Về mặt chế tác, có thể nói, phần lớn các di vật này đều đạt đến trình độ kỹ thuật rất cao, đặc biệt những đồ đồng. Các nghệ nhân thời chúa Nguyễn đã biết kết hợp một cách khéo léo các kỹ thuật truyền thống đem vào từ đất Bắc với kỹ thuật đúc đồng tiên tiến của châu Âu để tạo nên những sản phẩm có quy mô đồ sộ, tạo thành một phong cách riêng, về sau cũng được bồi đắp và phát triển, trở thành nghệ truyền thống nổi tiếng của Huế.

Một số loại hình nghệ thuật tiêu biểu của *văn hoá cung đình Huế* như tuồng, ca Huế được phát triển rực rỡ dưới thời chúa Nguyễn và ngay từ đầu đã tạo nên một phong cách riêng. Tuồng cung đình Huế (Hát Bội) có nguồn gốc từ đất Bắc, do Đào Duy Từ đem vào truyền bá, nhưng vẫn mang bản sắc Huế do phần lớn được sáng tác trong bối cảnh mới. Ca Huế cũng mang âm hưởng từ đất Bắc (những làn điệu vui vẻ, nhanh mạnh,... của *Lưu thủy, Kim tiền*) và kết hợp với đất Nam (làn điệu trầm buồn, sâu lắng, tiết tấu chậm và trữ tình trong *Nam ai, Nam bình*...). Hiện nay trong cả nước, chỉ có một nhà thờ Hát Bội (Thanh Bình Từ Đường ở đường Chi Lăng, Gia Hội, Huế). Nghệ thuật sân khấu hàng đầu ở Huế nổi tiếng quốc tế và quốc nội là Hát Bội. Cho mãi đến sau 30/4/1975 ở Huế vẫn còn Rạp hát Bà Tuần (Rạp Đồng Xuân Lâu) do phu nhân ông Tuần vũ Đặng Ngọc Oánh lập ra từ năm 1920<sup>1</sup>.

Ngoài ra, trong phong cách và lối sống Huế còn kế thừa và phát triển rất nhiều từ văn hoá Thăng Long, kết hợp với văn hoá vùng bản địa, có thể kể ra như:

Kiến trúc của văn hoá Đại Việt: đình, chùa, miếu, mạo thường có dáng vẻ uy nghi, đường bệ, nặng nề, nhưng ở Huế, các cung điện, đền chùa, lăng tẩm được xây dựng dưới vương triều Nguyễn không ít cái mang dáng vóc to lớn, đường bệ, nhưng nhìn chung vẫn toát lên nét thanh thoát, trang nhã, hài hoà. Những công trình kiến trúc có tầm cỡ này đã nói lên ít nhiều phong thái, nếp tư duy, lối sống, cách ứng xử với môi trường tự nhiên của con người Huế.

Nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường thật sâu sắc và chí lý khi viết về chủ nhân của các lăng tẩm Huế: "Nét ung dung, thanh thoi từ cõi sống sang cõi chết là một phẩm chất nhân

văn của lãng Nguyễn và đầy cũng là phong thái nhẹ nhàng của người Huế đối diện với lễ sinh tử vô thường của đời người”<sup>2</sup>. Về âm nhạc, làn điệu Bắc vui tươi, mạnh mẽ, trong sáng (lưu thủy, kim tiền), kết hợp với vùng đất Huế sẽ có tác phẩm âm nhạc da diết, man mác... Nghệ thuật ẩm thực của Huế cũng đã kế thừa của văn hoá Bắc và văn hoá bản địa để đạt tới một trình độ ẩm thực cao, tinh tế. Trong việc phối màu sắc, ở Huế, là sự kết hợp của Đỏ (Ấn Độ) và Xanh (Trung Quốc) để thành màu Tím Huế...<sup>3</sup>

Huế còn kế thừa được các sinh hoạt nghi lễ, phong tục, giải trí mang chất cung đình (sinh hoạt diễn xướng, tạo hình, lễ hội...), của văn hoá Đại Việt, thể hiện được chất sang trọng, trang trọng trong không gian kiến trúc quý tộc.

## 2. Văn hoá Huế, văn hoá triều Nguyễn đã làm sáng danh văn hoá Thăng Long - Hà Nội

Văn hoá Huế thể hiện sự dung hợp nhuần nhuyễn các nền văn hoá Đông - Tây: văn hoá Chăm-pa, văn hoá Trung Hoa và văn hoá Pháp; văn hoá cung đình và văn hoá dân gian.

Huế lấy Phật giáo để thuần hoá người dân ở vùng *ô châu ác địa*, kiến trúc đầu tiên của nhà Nguyễn là chùa Thiên Mụ (ảnh hưởng của văn hoá Đại Việt thời Lý Trần), từ đó, Huế nối tiếp với Thăng Long tạo thành một trung tâm văn hoá Phật giáo lớn, ảnh hưởng cho đến ngày nay. Việc sử dụng Phật giáo với tư cách như một quốc giáo trong tổng thể "Tam giáo đồng nguyên" của chính quyền triều Nguyễn không chỉ nhằm làm chỗ dựa cho ý thức tư tưởng truyền thống Việt trên vùng đất mới mà còn là phương tiện để dung nạp các hệ tư tưởng và văn hoá mới, trong đó có việc kế thừa có chọn lọc các yếu tố văn hoá bản địa. Đối với công việc này, các thủ phủ thực sự đã nắm vai trò trung tâm trong việc *hội tụ và tiếp biến* các yếu tố văn hoá mới để hình thành nên sắc thái văn hoá đặc biệt của Đàng Trong.

Chính vì vậy, Huế là kinh đô của Phật giáo xứ Đàng Trong với hàng trăm ngôi chùa, gồm chùa vua, chùa quan, Tổ đình, chùa sắc tứ, chùa Tàu (phần lớn ở Gia Hội)... Ngoài những lễ Phật Đản, lễ Thích Ca thành đạo, lễ Vu Lan, lễ Quan Thế Âm hàng năm, còn có ngày lễ (Rằm, Mồng Một) hàng tháng và nhiều ngày kỵ giỗ, huý nhật của các vị Hòa thượng, Tỳ-kheo khai sơn, mở dòng tu khắp các địa phương trong tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngoài dân gian có nhiều lễ lượt mang tính tâm linh: Không ở đâu có tục *cúng đất* như ở Huế. Cúng đất để nhớ ơn những người đã có công mở đất vùng châu Ô, châu Rí để dân Thuận Hoá - Phú Xuân xây dựng nên Thừa Thiên Huế ngày nay. Cúng 23/5 để nhớ những người đã chết trong ngày Thất thủ Kinh đô 23/5 Ất Dậu (1885), nhắc lại ngày mất nước để hâm nóng  *tinh thần yêu nước* của người đời sau; lễ hội điện Hòn Chén lễ bà Liễu Hạnh và bà Thiên-y-A-na vào Rằm tháng Ba và Rằm tháng Bảy hàng năm. Ngày Rằm tháng Bảy cũng là ngày Xá tội vong nhân, ngày lễ Vu Lan và nói đến tình mẹ. Các làng đều có đình làng, xuân thu nhị kỳ đều có cúng tế nhớ ơn các vị khai canh, khai khẩn (thường gọi là việc làng). Các dòng họ đều có nhà thờ họ riêng, hàng năm đều có các lễ lượt nhớ ơn tổ tiên gọi là "việc họ". Người Huế rất trọng việc hiếu, trân trọng người quá cố. Ngoài những nơi thờ cúng chính thức, hồi đầu thế kỷ XX, tạp san *Đô thành hiếu cổ* (Bulletin des Amis du Vieux Huế) thống kê có trên 200 nơi thờ cúng khác. Có thể nói Huế là thành phố mang đậm bản sắc văn hoá Việt, mang đậm dấu ấn tâm linh truyền thống.

Phong cách sống của cư dân xứ Huế, hay nói cách khác, phong cách ứng xử của người dân xứ Huế được bắt nguồn từ môi trường sống đan xen, giao hoà, không đối lập, loại trừ lẫn nhau giữa các làng văn hoá đô thị - làng xã, nông thôn. Văn hoá cung đình là

sự nâng cấp và tinh chế từ những yếu tố đó trong dân gian. Nó được bác học hoá, cung đình hoá để đáp ứng nhu cầu của triều đình và hoàng gia rồi dần dần đến lượt nó, văn hoá cung đình lại lan toả ra chốn dân gian. Do những ảnh hưởng qua lại rất tự nhiên đó mà có thể nói rằng về mặt tinh thần, các vua chúa, quan lại nhà Nguyễn cũng đã mang tính cách, tâm hồn của người dân xứ Huế. Họ đã trở thành gạch nối giữa cung đình và dân gian, giữa dòng văn học cung đình, bác học với dòng văn hoá dân gian. Hay nói cách khác, văn hoá cung đình đã bàng bạc trong văn hoá dân gian đến mức đậm đặc. Đậm đặc đến nỗi người ta (những người ở các vùng khác không phải là cư dân Huế) đã gọi chung dân Huế là các "mệ", cái từ ngữ vốn dĩ chỉ dùng cho những thành viên trong hoàng tộc mà thôi.

Huế là nơi sinh sống của vua chúa, hoàng tộc, quan lại, trí thức, nghệ sỹ lớn... của quốc gia thời các vua Nguyễn; cả một thời gian hàng thế kỷ là điểm hội tụ của tinh hoa đất nước. Tất cả đã khiến con người sống ở đây được lịch sử khoác trên mình vầng hào quang của tầng lớp cư dân chốn kinh kỳ, hào hoa, lịch lãm, tinh tế và sang trọng. Tồn tại sau 143 năm với tư cách là kinh đô của một quốc gia rộng lớn, Huế nắm giữ vai trò trung tâm của mình không phải căn cứ trên nhu cầu của việc thiết lập một thủ phủ kinh tế, mà là một trung tâm hành chính - chính trị với những ưu điểm nổi trội trên nhân quan phong thủy được ấn định từ tự nhiên, một địa điểm đắc địa theo những quy ước ngặt nghèo của tư tưởng phương Đông. Chính vị thế và vai trò của Huế, nơi hội tụ và kết tinh các giá trị văn hoá dân tộc trong một thời kỳ lịch sử, đã hình thành một quần thể kiến trúc độc đáo, một trường phái văn hoá nghệ thuật riêng biệt, đó là di sản văn hoá vật thể của Quần thể di tích cố đô Huế và di sản phi vật thể của Nhã nhạc cung đình Huế đã được UNESCO công nhận. Cùng với Khu vực Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội, Huế đã kế thừa một cách có chọn lọc và làm rạng danh, tôn vinh văn hoá Đại Việt - Thăng Long.

### 3. Bảo vệ di sản văn hoá Huế trong dòng chảy 1000 năm Thăng Long - Hà Nội

Thăng Long - Hà Nội, là "chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời" (*Chiếu dời đô* của Lý Công Uẩn). Ngày nay, Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của cả nước. Huế từng là kinh đô của Việt Nam, là địa điểm chiến lược, cũng là nơi *hội tụ và lan tỏa* nhân tài cho đất nước. Di sản văn hoá Huế, cùng với Thăng Long - Hà Nội có ý nghĩa rất lớn đối với mỗi người dân Việt Nam.

Hà Nội ngàn năm qua vẫn là tiếng nói hào hùng, là hào khí Thăng Long. Hào khí đó tạo nên âm vang chung từ bài thơ *Thần của Lý Thường Kiệt*, *Hịch tướng sỹ* của Trần Hưng Đạo, *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi... cho đến *Tuyên ngôn Độc lập* của Hồ Chí Minh. Hào khí đó được thể hiện trong tinh thần *Sát thát* của quân sỹ thời Trần trong cuộc chiến chống quân Nguyên Mông xâm lược nước ta, trong tinh thần của Hội nghị Diên Hồng, Hội nghị Bình Than (thời nhà Trần đánh Nguyên Mông), trong khẩu hiệu *Không gì quý hơn độc lập tự do* và trong tinh thần *Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh* ở thời đại Hồ Chí Minh, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Huế là một hiện tượng đặc biệt trong lịch sử phát triển đô thị Việt Nam: từ một vùng đất biên viễn nổi danh là xứ *Ô châu ác địa* biến thành một trung tâm đô thị và văn minh mới của người Việt trên con đường Nam tiến từ thế kỷ XVII - XVIII, trở thành kinh đô của đất nước thống nhất trong suốt thời Nguyễn ở thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX,

rời thành cổ đô cuối cùng còn được bảo lưu nguyên vẹn nhất tại Việt Nam. Theo đánh giá của nhiều nhà nghiên cứu, cho đến nay cổ đô Huế vẫn là một trong những đô thị có quý kiến trúc di sản giàu có nhất không chỉ trong phạm vi khu vực Đông Nam Á. Hiện nay Thừa Thiên Huế có 902 di tích lớn nhỏ, trong đó Quần thể di tích cổ đô Huế đã được công nhận là Di sản văn hoá thế giới với 16 cụm di tích (nay được mở rộng lên gần 30 cụm di tích và đã được công nhận là Di tích đặc biệt cấp quốc gia), 118 di tích cấp quốc gia và di tích cấp tỉnh... Nhưng điều quan trọng nhất là tính nguyên vẹn có hệ thống của các di sản. Ít có nơi nào như ở Huế vẫn còn bảo tồn được gần như hoàn hảo một hệ kiến trúc thành trì pha trộn phong cách truyền thống và phong cách phương Tây; một hệ cung điện độc đáo với điện, đình, lầu, các, lang, tạ...; một hệ đàn miếu với đủ cả đàn Nam Giao, đàn Xã Tắc, đàn Sơn Xuyên, miếu thờ Tổ, miếu thờ Thần...; một hệ thống lăng tẩm với quy mô to lớn và phong cách độc đáo; một hệ thống cầu cống, thủy đạo cổ vẫn vận hành qua hàng thế kỷ; một hệ thống vườn cung đình tập trung tinh hoa nghệ thuật làm vườn của cả nước; ngoài ra là hệ thống hành cung, chợ búa; hệ thống phủ đệ, nhà vườn phân bố gần như đều khắp trong khu đô thị cổ...

Bên cạnh đó, xứ Huế còn có hệ thống di tích Tiền - Sơ sử khá đồ sộ, hệ thống di tích Chăm pa phong phú, hệ thống di tích cách mạng và danh nhân hiếm có... Và hòa quyện với các di sản văn hoá đó là các di sản thiên nhiên vô giá mà thiên nhiên đã ưu ái ban tặng, nổi bật là sông Hương - núi Ngự, đồi Vọng Cảnh - rừng thông Thiên An, núi Hải Vân - vịnh Lăng Cô, Vườn quốc gia Bạch Mã - vịnh Chân Mây, phá Tam Giang - Cầu Hai...

Hòa quyện và tôn vinh thêm cho các di sản vật thể đó là cả một kho tàng văn hoá phi vật thể đồ sộ. Bên cạnh Nhã nhạc cung đình đã được tôn vinh là kiệt tác di sản văn hoá phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại, Huế còn có cả hệ thống *lễ hội cung đình* với Lễ tế Nam Giao, tế Xã Tắc, tế hương ở miếu Tổ, nghi thức đại triều, Lễ truyền lô, Lễ ban sóc... Các loại hình nghệ thuật cung đình như Tuồng cung đình, Múa cung đình vẫn còn được bảo tồn hay đủ cơ sở để bảo tồn và phục hồi. Huế còn cả hệ thống lễ hội và nghệ thuật dân gian phong phú, hệ thống làng nghề thủ công truyền thống độc đáo, nghệ thuật ẩm thực tinh tế...

Chính vì vậy, Huế được mệnh danh là một đô thị di sản. Nguyên Tổng giám đốc UNESCO, ông Amadou Mata M'bow còn ngợi ca Huế là một "Bài thơ đô thị tuyệt tác"<sup>4</sup>. Và điều đáng chú ý là Huế vẫn giữ được sự hài hòa giữa cổ kính với hiện đại, giữa những yếu tố nhân tạo với môi trường thiên nhiên.

Đô thị Huế nói riêng và cả Thừa Thiên Huế nói chung đã có những thay đổi to lớn sau 35 năm kể từ ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975), nhất là kể từ ngày Đổi mới (1986). Huế trở thành vùng đất đầu tiên có Di sản thế giới (cả vật thể và phi vật thể), Thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam, được nâng cấp lên đô thị loại I (trực thuộc tỉnh). Đặc biệt, theo Kết luận 48 của Bộ Chính trị ngày 25/5/2009, tỉnh Thừa Thiên Huế đang từng bước xây dựng để trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trong vài năm tới. Huế đã và đang phấn đấu để khẳng định vị thế của mình là "trung tâm của khu vực miền Trung và một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của cả nước về văn hoá, du lịch; khoa học - công nghệ, y tế chuyên sâu và giáo dục - đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao".

\*

\* \* \*

Tự hào về dân tộc Việt Nam nghìn năm văn hiến, tự hào người Việt Nam là con Hồng cháu Lạc, tự hào về 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Là Thủ đô, nơi lắng hồn núi sông, trái tim của Tổ quốc, nơi hội tụ nhiều bản sắc, tinh hoa văn hoá độc đáo của đất nước, Thăng Long - Hà Nội đã trở thành nơi nuôi dưỡng trí tuệ, tài năng của cả dân tộc. Việc xuất hiện các triều đại cường thịnh suốt chiều dài lịch sử mấy trăm năm (Lý, Trần, Lê) với chính sách thân dân, quan tâm thực sự đến cuộc sống của người dân, với chính sách đào tạo và trọng dụng người tài... đã biến Thăng Long - Hà Nội sớm trở thành điểm sáng của phong trào phục hưng dân tộc. Tinh hoa của người Thăng Long - Hà Nội được hình thành từ mạch nguồn tỏa rạng đó.

Thăng Long chính là biểu tượng cho bản lĩnh Đại Việt, phát huy ý chí tự chủ nhưng luôn biết cách hòa hiếu và sẵn sàng tiếp nhận cái hay, cái văn minh của thiên hạ để bồi đắp và làm phong phú nền văn hiến của dân tộc mình. Chính bản sắc "đô hội" của Thăng Long - Hà Nội đã hội tụ được tinh hoa của cả nước và rộng hơn là tinh hoa văn hoá nhân loại để tạo nên nền văn hiến của dân tộc Việt Nam trải suốt ngàn năm lịch sử. Trong nghìn năm văn hiến của Thăng Long - Hà Nội, có gần 150 năm, Huế, với tư cách là Kinh đô dưới triều đại Tây Sơn và vương triều Nguyễn đã kế thừa văn hoá Thăng Long để trở thành trung tâm văn hoá đóng vai trò "nơi tụ hội bốn phương đất nước" trong thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX. Nhờ thế, Huế cũng đã tiếp thu có chọn lọc vẻ đẹp của văn hoá các vùng miền trong nước, vừa có những điểm đặc sắc, nhưng lại hài hòa của văn hoá các vùng, miền trong cả nước. Đó là thành quả sáng tạo của những con người sống trực tiếp trên mảnh đất Huế xưa; trên mảnh đất ấy, văn hoá Thăng Long tuyệt đối không đối lập hay đứng trên mà trái lại, luôn luôn bồi đắp, làm nền tảng cho văn hoá Huế kế thừa và phát triển một cách rục rờ nhất.

Hướng về Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, nhân dân Thừa Thiên Huế tự hào với Thủ đô văn hiến của đất nước Việt Nam, đồng thời với trách nhiệm của mình, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thừa Thiên Huế quyết tâm lưu giữ những nét văn hoá đặc trưng của cố đô Huế - một đô thị di sản, văn hoá của nhân loại - phần đầu cùng với cả nước vươn lên thật mạnh mẽ để xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, góp phần đưa đất nước đi lên công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong thời kỳ hội nhập và phát triển; chào mừng 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

---

#### CHÚ THÍCH

- <sup>1</sup> Nguyễn Đắc Xuân, trích bài viết tham gia Hội thảo *Đặc trưng con người Huế, bản sắc văn hoá Huế*.
- <sup>2</sup> Hoàng Phủ Ngọc Tường, "Văn hoá Huế", tạp chí *Kiến thức ngày nay*, số 171, ngày 20/4/1995, trang 13.
- <sup>3</sup> Theo lý giải của nhà nghiên cứu Huế, Nguyễn Đắc Xuân.
- <sup>4</sup> GS. TS Trần Văn Khê, *Người nước ngoài đánh giá về văn hoá Huế*, trích đăng từ nguồn Internet.